

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP QUÝ HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP QUÝ HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400964891

**3. Ngày thành lập:** 08/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu 1, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0936916235

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí     | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                            | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                            | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                       | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                        | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                    | 4653        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                           | 4659        |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan              | 4661        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm bán buôn vàng miếng)   | 4662(Chính) |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                   | 4663        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                         | 4669        |
| 12. | Khai thác và thu gom than cứng                                            | 0510        |
| 13. | Khai thác và thu gom than non                                             | 0520        |
| 14. | Khai thác dầu thô                                                         | 0610        |
| 15. | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                | 0620        |
| 16. | Khai thác quặng sắt                                                       | 0710        |
| 17. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                              | 0722        |
| 18. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                           | 0810        |
| 19. | Khai thác và thu gom than bùn                                             | 0892        |
| 20. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                  | 2410        |
| 21. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng) | 2420        |
| 22. | Đúc sắt, thép                                                             | 2431        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Đúc kim loại màu<br>(không bao gồm đúc vàng miếng)                                                   | 2432 |
| 24. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                       | 2511 |
| 25. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                     | 2591 |
| 26. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                          | 2599 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211 |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212 |
| 33. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 35. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 38. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                      | 4292 |
| 39. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293 |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 41. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **TRẦN VĂN QUÝ**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **01/02/1995**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **027095011684**

Ngày cấp: **27/08/2022**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Khu Phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Khu Phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 09/06/2023 đến ngày 09/07/2023

\* Họ và tên: **TRẦN VĂN QUÝ**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **01/02/1995**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **027095011684**

Ngày cấp: **27/08/2022**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Khu Phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Khu Phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang**